

Hoạt động tuyển dụng, đào tạo đội ngũ quan lại dưới thời Vua Quang Trung và những hàm ý cho hôm nay^(*)

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh^(**)

Tóm tắt: Bài viết đi tìm lại tư tưởng và chính sách chiêu hiền đãi sĩ, đào tạo nhân tài dưới thời Vua Quang Trung - một vị vua tài đức vẹn toàn, có nhiều đóng góp lớn lao trong công cuộc bảo vệ và dựng xây đất nước ở nửa cuối thế kỷ XVIII. Từ “chiến lược con người”, chiến lược và sách lược “dụng nhân” mà Vua Quang Trung đã vận dụng trong suốt thời gian cầm quyền ngắn ngủi của mình (1788-1792), bài viết gợi lên cho chúng ta hôm nay nhiều bài học kinh nghiệm quý báu. Có thể nói, tư tưởng và chính sách chiêu hiền đãi sĩ, đào tạo nhân tài lúc bấy giờ của Vua Quang Trung không chỉ mang ý nghĩa chính trị của một thời mà nó còn vẹn nguyên giá trị trong mọi thời đại.

Từ khóa: Tuyển dụng quan lại, Đào tạo nhân tài, Quang Trung

Lời khẳng định của vị danh thần thời Lê - Thân Nhân Trung về vai trò quyết định của hiền tài đối với nội lực dân tộc từ lâu đã trở thành chân lý được đời đời khắc ghi: “Hiền tài là nguyên khí quốc gia. Nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh và hưng thịnh. Nguyên khí suy thì thế nước yếu mà thấp kém. Vì thế, các bậc thánh minh chẳng ai không coi việc kén chọn kẻ sĩ, bồi dưỡng nhân tài, vun trồng nguyên khí là công việc cần kíp. Bởi vì, kẻ sĩ có quan hệ trọng đại với quốc gia như thế, cho nên được quý chuộng không biết nhường nào”. Câu

nói được tạc khắc vào bia đá ở Văn Miếu - Hà Nội ấy như là một lời gợi nhắc về truyền thống trọng dụng nhân tài của ông cha ta từ xa xưa. Nhân tài là nguyên khí của quốc gia, thịnh loạn hay thăng trầm của đất nước luôn luôn có mối tương quan mật thiết với “mạch nguyên khí” đó. Tiếp nối ý thức ấy của các bậc cha anh đi trước, Vua Quang Trung trong suốt thời gian cầm quyền đã nêu tấm gương sáng ngời về tư tưởng và hành động chiêu hiền đãi sĩ, không ngừng giáo dục và bồi dưỡng nhân tài, biến họ thực sự trở thành ngọn nguồn sức mạnh của thời đại. Dưới đây là một số nội dung về tư tưởng và chính sách chiêu hiền đãi sĩ, đào tạo nhân tài của Vua Quang Trung.

^(*) Bài viết được thực hiện bởi sự tài trợ của Quỹ NAFOSTED - Mã số: IV1.1-2012.08.

^(**) TS., Đại học Sư phạm Hà Nội; Email: myhanhvn@gmail.com

1. Tuyển chọn hiền tài qua nhiều hình thức dân chủ và rộng mở

Suốt những năm tháng trên cương vị Hoàng đế (1788-1792), Vua Quang Trung đã ban ra 4 Chiếu quan trọng là: Chiếu Cầu hiền, Chiếu Hiểu dụ các quan văn võ cựu triều, Chiếu Lập học và Chiếu mở khoa thi. Cả 4 chiếu này đều hướng đến việc lựa chọn, bồi dưỡng người tài nhằm dựng xây đất nước.

Vua Quang Trung thấu hiểu sâu sắc vai trò và sứ mệnh của người hiền tài đối với đất nước. Ông hiểu rằng: Sự nghiệp đại định của đất nước đòi hỏi các bậc hiền tài phải ra sức cống hiến tài năng và nhiệt huyết của mình. Từ ý thức ấy, Vua Quang Trung đã rất chân thành bày tỏ thái độ chiêu hiền đãi sĩ của mình, tỏ rõ mong muốn thiết tha có được sự cộng tác của các bậc hiền tài trong thiên hạ nhằm xây dựng một triều đại mới vững mạnh: "...Đương khi trời còn thảo muội, là lúc quân tử thi thố kinh luân, nay buổi đầu đại định, mọi việc còn đương mới mẻ. Mối giềng triều đình còn nhiều thiếu sót, công việc biên ải chính lúc lo toan. Dân khổ chưa hồi sức, đức hóa chưa thấm nhuần, trăm chăm chăm run sợ, mỗi ngày muôn việc lo toan. Nghĩ rằng: sức một cây gỗ không chống nổi tòa nhà to, mưu lược một kẻ sĩ không dựng được cuộc thái bình. Hỏi rằng trong nước, một áp mấy mươi nhà hản có người trung tín, hướng chỉ trong cõi đất rộng lớn đến thế này, há lại không có người xuất kiệt hơn đời, để giúp rập chính sự buổi đầu cho trăm ư?", "ban chiếu xuống, quan liêu lớn nhỏ và dân chúng trăm họ, ai có tài năng học thuật, mưu hay giúp ích cho đời đều cho phép được dâng thư tỏ bày công việc. Lời có thể dùng được thì đặc cách bổ dụng, lời không dùng được thì để đấy, chứ không bắt tội vu khoát.

Những người có tài nghệ gì thì có thể dùng cho đời, cho phép các quan văn võ được tiến cử; lại cho dân đến yết kiến, tùy tài bổ dụng. Hoặc có người từ trước đến nay giấu tài ẩn tiếng, không ai biết đến, cũng cho phép được dâng thư tự tiến cử..." (Xem "Chiếu lên ngôi" của Quang Trung, trong: Nguyễn Lộc chủ biên, 1993, tr.78).

Rõ ràng, *chủ trương cầu hiền tài của Vua Quang Trung rất dân chủ và rộng mở*. Từ bậc quan liêu lớn nhỏ cho đến dân chúng trăm họ, từ những người có tài nghệ nổi danh cho đến những người giấu tài ẩn tiếng, từ những người giỏi chữ nghĩa tới những người có tay nghề cao ai cũng có thể bày tỏ sở nguyện của mình để được cân nhắc, bổ dụng. Và không chỉ cho phép quan dân *tiến cử* người tài mà vương triều Quang Trung còn áp dụng cả phương thức dâng thư *tự tiến cử* nếu ai thấy mình có khả năng phụng sự triều đình, phụng sự Tổ quốc. Qua đây, chúng ta thấy được chính sách chiêu hiền và tuyển dụng nhân tài rất cởi mở, dân chủ của vương triều Tây Sơn mà không phải triều đại phong kiến nào ở nước ta cũng có được.

Thậm chí, ngay cả với những người đã từng giúp việc cho vương triều Lê, Trịnh trước đây, Vua Quang Trung vẫn một lòng thu dùng và thực tâm đối đãi. Điều này được minh chứng sinh động ngay trong "Chiếu lên ngôi" của ông: "Hai là: bấy tôi và nhân dân cựu triều hoặc bị vạ lây đã phải kết tội nặng, trừ tội đại nghịch bất đạo, còn thì đều cho đại xá... quan viên văn võ cựu triều, hoặc vì tông vong trốn tránh, cho phép được về nguyên quán, người nào không muốn ra làm quan cũng cho tùy tiện" (Xem "Chiếu lên ngôi" của Quang Trung, trong: Nguyễn Lộc chủ biên, 1993, tr.65; Nguyễn Lương Bích, 1989, tr.195).

Có lẽ, chúng ta không thể quên được những khó khăn chồng chất mà Quang Trung - Nguyễn Huệ đã trải qua khi phải đương đầu với sự chống đối của giới trí thức Bắc Hà trong và sau cuộc khởi nghĩa Tây Sơn. Lý Trần Quán tự chôn sống để chết theo chúa Trịnh, Trần Phương Bình mổ bụng tự sát, Nguyễn Huy Trạc chọn chén thuốc độc để tận trung với nhà Lê. Còn Trần Danh Án, Bùi Dương Lịch, Phạm Thái và cả Nguyễn Du... cũng đã cầm gươm, mộ quân chống lại Tây Sơn. Chúng ta cũng không quên lập trường thủ cựu của những cự thần Lê - Trịnh, những con người bị kìm hãm trong chữ “Trung” thiển cận, chật hẹp, ôm mối cô trung với chiếc ngai vàng mục nát và chống lại Tây Sơn quyết liệt. Vậy mà, đứng trước tình hình đó, Vua Quang Trung vẫn nhẫn nại cầu hiền, tiếp tục ban chiếu Hiểu dụ các quan văn võ triều cũ với hy vọng đem tấm chân tình của mình để cảm hóa nhân tâm: “Trẫm ba lần xa giá ra Bắc Thành^(*), đã tỏ lòng che chở bao dung. Vốn nghĩ việc xưa, có người ở Ngụ thì nước Ngụ mất, sang Tần thì giúp Tần làm nên nghiệp bá^(**), ở Tùy thì là kẻ nịnh, sang đến Đường lại trở thành người trung^(***). Cho nên trẫm không hề lấy cái cố mất được thua để đổ lỗi cho các người. Ấy thế mà các người lúc đầu thì kéo nhau về hàng, sau đó vẫn cùng

nhau lo lắng công việc, mà cuối cùng lại trở mặt, giáo đồ bất thường thực là đáng ghét. Ngày tiến vào thành, trẫm đã làm ngơ không nổi bắt tội. Lại đã ban chiếu dụ, mở cho con đường sống khản khoản hai ba lần, mà các người vẫn cứ trông ngóng chân chừ, cố ý trốn tránh, há chẳng phải là các người còn mong, may ra viện binh lại đến, tình thế xoay chuyển, đợi xem kết cục ra sao?... Đó có phải là việc làm của người trung nghĩa sáng suốt đâu. Đáng lẽ ra oai sấm sét, khép các người vào tội bất thần^(*)... Nhưng lại lượng xét, các người như có bệnh nặng mà mê muội nhầm lẫn, nếu không cho các người có dịp để tự đổi mới, e rằng có hại đến đức hiếu sinh... Trẫm một niềm yêu mến nhân tài, không thể chốc lát quên được. Nên đặc ban, xá hết tội lỗi cho các người, tất cả những người bị giam cầm đều tha hết, những kẻ trốn tránh không bị truy nã để tỏ đức khoan hồng... Các người nên nhân dịp này lập công nghiệp... Cố gắng lên! Cố gắng lên...” (Xem “Chiếu hiểu dụ các quan văn võ cựu triều”, trong: Nguyễn Lộc chủ biên, 1993, tr.74-75; Nguyễn Lương Bích, 1989, tr.195-196).

Cũng ngay sau đó, Vua Quang Trung còn thể hiện lòng khoan dung, độ lượng của mình bằng việc ban “Chiếu chỉ tha tội và trả tài sản bị tịch thu” cho các quan triều Lê: “...Văn ban, võ ban triều cũ, do vì trước đây không chịu bái yết, mang án tại đào, đã từng được tha tội. Duy điền sản tịch thu sung công, chưa được trả lại, kỳ này xét ai đã tới phụng mệnh, có quan giám trị kê khai tên họ, thì cho nhận lĩnh điền sản cũ về làm kế sinh nhai để khỏi đói rét. Còn những tội phạm phải tù đày, trừ ngục án ra, xét tội trạng nào thuộc về tội nặng,

(*) Bắc thành: chỉ thành Thăng Long. Quang Trung kéo quân ra Thăng Long ba lần vào những năm 1786, 1788, 1789.

(**) Chỉ Bách Lý Hề (đời Xuân Thu) trước làm quan ở nước Ngụ. Nước Ngụ mất, nước Tần đón sang phong làm tướng quốc. Bách Lý Hề giúp Tần làm nên nghiệp bá.

(***) Chỉ Bùi Cự, nguyên trước là bề tôi của nhà Tùy. Tùy Dương Đế thích nịnh, nên Bùi Cự làm như một nịnh thần. Đến khi Tùy mất, Bùi Cự về làm tôi nhà Đường, Đường Thái Tông là ông vua sáng suốt, Bùi Cự trở lại là một trung thần giúp việc rất đắc lực cho Đường Thái Tông.

(*) Bất thần: Không chịu thần phục.

hãy tạm giam đợi tra xét. Ngoài ra, tha hết để thân oan cho những người lâu chưa được xét xử” (Nguyễn Lương Bích 1989, tr.196).

Rõ ràng, trong nhận thức của Hoàng đế Quang Trung, khi nhân tài chưa quy tụ về một mối, còn hoài nghi về một triều đình mà không ít người đương thời gọi là “thảo muội”, chưa đủ chính danh, thì giáo dục có đặt ra cũng chẳng ích gì. Từ nhận thức ấy, vị Hoàng đế Quang Trung đã không ngần ngại hạ mình cầu nhân tài, không hoài nghi, không phân vân, do dự trước sự hồi tâm chuyển ý của các cựu thần thất thế. Kết quả là, nhiều người tài giỏi của triều cũ như Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích, Vũ Huy Tấn, Ninh Tồn, Bùi Dương Lịch... đã quy tụ dưới sự lãnh đạo của Vua Quang Trung, dốc hết tài năng, tâm huyết của mình để phụng sự triều đình, phụng sự Tổ quốc. Có thể nói, Vua Quang Trung đã thực sự thành công trong việc chinh phục trái tim của kẻ sĩ đương thời.

Không chỉ cho phép *tiến cử, tự tiến cử* những bậc hiền tài đảm nhận những chức vụ quan trọng trong bộ máy nhà nước, Vua Quang Trung còn ra sức đẩy mạnh phương thức tuyển dụng quan lại qua *khoa cử* bởi theo ông, có như vậy mới xây dựng được đội ngũ quan lại thực tài, tránh được hiện tượng “sinh đồ ba quan” xuất hiện từ cuối đời Lê Cảnh Hưng mà trong đó, thí sinh qua kỳ khảo hạch ở huyện để được thi Hương thì chỉ cần nộp 3 quan tiền là được lấy đỗ Sinh đồ. Tiếp nối các triều đại phong kiến trước đây, Quang Trung đã cho mở các khoa thi Võ và Văn tại kinh đô Phú Xuân, tất cả mọi người đều được ứng thí, không phân biệt người ở vùng nào, miễn là có thực tài thì sẽ được chọn.

Về khoa thi Văn, nhà vua cho 3 năm mở một khoa, gọi là khoa Minh Kinh. Khoa thi Văn đầu tiên^(*) mở vào năm 1789. Mặc dù sau khi xưng vương, Vua Quang Trung quản lý phân đất từ Phú Xuân trở ra, còn từ Quảng Nam trở vào thuộc quyền Vua Thái Đức Nguyễn Nhạc; nhưng qua các khoa thi ở Phú Xuân, Quang Trung đã tuyển chọn được rất nhiều người ở miền trong và bổ nhiệm họ vào các chức vụ quan trọng trong triều đình. Trong số đó, chúng ta có thể kể đến những gương mặt nổi bật như: Phan Văn Biên (người Phú Yên) giỏi về kinh sử, toán pháp, vừa thi đậu xong được bổ ngay làm Huấn Đạo; Đinh Sĩ An (người Bình Khê), cùng Ngô Diên Diệu, Phan Đình Vân, Huỳnh Chiếu nổi danh về văn học, người đời xưng tụng là “Tây Sơn tứ tài tử”, thi xong được bổ làm việc ở Nội Các với hàm Hàn lâm; Phạm Văn Trung (người Phù Mỹ), Trần Trọng Vỹ (Hoài Ân), Đặng Sĩ Nguyên, Đặng Mộng Kỳ, Lý Xuân Tá (người Quảng Nam)... sau khi thi đậu đều được bổ nhiệm vào các chức vụ quan trọng theo thực tài từng người. Trong đó, Trần Trọng Vỹ là người thơ hay, theo nhà Tây Sơn làm một chức quan nhỏ, sau khi thi đỗ khoa Minh Kinh, ông liền được bổ làm Thị Lang Bộ Lễ, Lý Xuân Tá giữ chức An Phủ ở Phú Yên (Quách Tân, Quách Giao, 2000, tr.149).

Không chỉ ở phần đất phía Nam, người ở đất Thuận Hóa và Bắc Hà dưới triều Tây Sơn cũng đỗ đạt nhiều. Trong đó, nổi tiếng nhất là Đặng Cao Phong. Sau khi thi đậu, ông được bổ vào Nội Các với chức Hàn lâm Học sĩ, rồi thăng lên Trung Thư Thị Lang, được nhà vua rất mực tin dùng.

^(*) Cũng là khoa thi Văn cuối cùng.

Về thi Võ, cũng có không ít người miền trong ra thi. Trong đó, nổi lên hai gương mặt xuất sắc là Phạm Cần Chính và Lê Sĩ Hoàng, trong đó Sĩ Hoàng lập nhiều chiến công, cùng với Quang Diệu được tôn xưng là “Tây Sơn song đạo” (Quách Tân, Quách Giao, 2000, tr.150).

2. Phát triển hệ thống trường học trong cả nước, mở rộng việc học đến mọi làng xã, tạo dựng nền tảng xã hội vững chắc cho việc tuyển chọn quan lại

Bên cạnh việc tổ chức các kỳ thi tuyển chọn quan lại nêu trên, Quang Trung còn đặc biệt chú trọng đến việc mở mang, *phát triển hệ thống trường học trong cả nước*. Ông đã xuống chiếu lập Sùng chính viện với nhiệm vụ chính là dịch những tác phẩm có giá trị về đạo đức và văn chương từ chữ Hán ra chữ Nôm để phổ biến trong toàn quốc^(*). Đồng thời, Quang Trung bổ nhiệm La Sơn phụ tử Nguyễn Thiếp đứng đầu Sùng chính viện^(**). Chiếu bổ nhiệm của Vua Quang Trung cho Nguyễn Thiếp có đoạn viết rằng: “Ông tuổi đức đều cao tất cả sĩ phu đều trông ngóng như núi Thái Sơn, sao Bắc Đẩu, nay trong nước đã yên, trăm toan hưng khởi chính học. Ông đã lấy học thuật hiện rõ bên tà, bên chính trong phép học, trăm rất vui lòng, trăm định đặt Sùng chính thư viện ở Vinh Kinh tại núi Nam Hoa, ban cho ông làm chức Sùng chính viện viện trưởng chuyên coi việc dạy học. Nhất định theo phép học Chu tử, khiến cho nhân tài có thể thành tựu, phong tục trở lại tốt đẹp. Từ nay phạm trong các viên

Tự nghiệp, Đốc học, mỗi năm nếu có ai học hành tốt thì kê quê quán, tên họ đặt đến thư viện giao cho ông khảo sát đức nghiệp và hạnh nghệ tâu lên triều đình để mà bổ dụng. Ông nên giảng rõ đạo đức, rèn đức nhân tâm để cho xứng với ý trăm khen chuộng người tuổi cao đức lớn” (Đinh Văn Niêm, 2011, tr.190).

Đọc lại chiếu bổ dụng Nguyễn Thiếp nêu trên chúng ta thấy, Quang Trung đặc biệt đề cao đạo đức, nhân tâm của kẻ sĩ, nhất là những bậc thầy chuyên trông coi việc dạy học như Nguyễn Thiếp. Với Quang Trung, thầy giỏi ắt sẽ có trò giỏi, thầy dốt ắt sẽ cho ra đời những kẻ vô học. Thầy có đạo đức, có nhân cách sẽ đào tạo cho xã hội những người có đạo đức, có lòng vị tha, biết thương người và có lương tri, có lý tưởng sống đúng đắn.

Tiếp sau đó, Quang Trung *mở rộng việc học đến mọi làng xã*, tạo dựng nền tảng xã hội vững chắc cho việc tuyển chọn quan lại, chiêu hiền đãi sĩ phục vụ công cuộc dựng xây đất nước. Trong đó, Quang Trung quy định rằng: Các xã phải lập trường học và chọn những Nho sĩ có học hạnh, đặt làm chức *giảng dụ cấp xã* để dạy dỗ học trò. Đây rõ ràng là một chủ trương tiến bộ của vương triều Tây Sơn. Ở đây, Quang Trung không chỉ quan tâm giáo dục từ bên trên mà ông đi từ gốc rễ của nó, giáo dục từ cơ sở, từ làng xã để không bỏ sót người tài. Đặt trong bối cảnh hiện nay, khi chúng ta mới chỉ có Phòng giáo dục cấp huyện thì việc thành lập một loại hình cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục gọi là “Nhà xã học” như dưới thời Tây Sơn thực sự là một chính sách tiến bộ, thúc đẩy, thể hiện sự sâu sát trước nhu cầu thực tiễn của một vị vua anh minh.

Đối với sinh đồ ba quan (mua bằng), nhà vua cương quyết bắt về làm dân:

(*) Vào đầu năm Quang Trung thứ năm (1792), Viện đã dịch xong bộ Tứ Thư và Tiểu Học. Nhà Vua xuống chiếu sai dịch tiếp các bộ Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Dịch...

(**) Cộng tác cùng Nguyễn Thiếp có nhiều nhà khoa bản triều Lê như Nguyễn Công, Nguyễn Thiện, Phan Tố Định, Bùi Dương Lịch... rất sành văn Nôm.

“Hẹn năm nay, mở khoa thi Hương, những tú tài thi Hương đỗ hạng ưu được đưa lên trường Quốc học, đỗ hạng thứ thì đưa vào trường phủ học. Những hương cống đỗ ở triều cũ chưa làm chức nhiệm gì, nay tới châu thì bổ các chức huấn đạo. Tri huyện, Nho sinh và sinh đồ cũ đợi kỳ thi vào thi lại, đỗ hạng ưu thì tuyển dụng, hạng kém thì bãi về trường xã học. Còn những sinh đồ ba quan nhất thiết bắt về làm dân, cùng dân chịu sưu dịch”, “Vậy ban chiếu xuống cho dân các xã nên lập học xã, chọn nho sĩ trong xã có học thức, có đức hạnh, đặt làm thầy học giảng dạy cho học trò xã mình” (Xem “Chiếu Lập học”, trong: Trần Phương Hồ, 1977, tr.404-405). Như vậy, theo Quang Trung, không chỉ người làm thầy phải có tài, có đức mà ngay cả thí sinh đi thi trước hết cũng phải là người có phẩm cách tốt. Chỉ khi đạt đủ tiêu chuẩn về đạo đức lẫn kiến thức thì thí sinh mới được đỗ đạt, ra làm quan để phụng sự triều đình. Sự chặt chẽ ngay trong khâu chọn thầy dạy, trò học lúc này đã đặt nền tảng vững chắc cho khâu tuyển chọn, đào tạo đội ngũ quan lại có chất lượng tiếp sau.

Đặc biệt, nghe theo La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp, Quang Trung còn chấp nhận *giáo dục theo đường lối học gắn với hành* của Chu tử, chứ không học theo kiểu nhồi nhét, học vẹt, nhằm thuộc lòng những bài học Thánh hiền: “Nhất định phải theo phép học Chu tử. Trước học tiểu học để bồi lấy gốc. Tuần tự tiến lên, rồi đến tứ thư, ngũ kinh... Học cho rộng rồi mới ước lược cho gọn, theo điều học biết mà làm. Họa may nhân tài mới có thể thành tựu...” (Hoàng Xuân Hãn, 1993, tr.184-187).

Với phương châm học đi đôi với hành như vậy, Vua Quang Trung mong

muốn đào tạo ra một thế hệ tri thức mới vượt ra khỏi lối học từ chương, cử nghiệp, tầm chương trích cú khi xưa để làm sao kẻ sĩ có đủ khả năng mà bắt tay vào công việc phục sinh đất nước, phục vụ nhân dân.

3. Rèn luyện tài đức cho đội ngũ quan lại, gắng sức phát huy tinh thần “dân chủ” trong quản lý bộ máy nhà nước

Vua Quang Trung ra sức *rèn luyện tài đức cho đội ngũ quan lại* thông qua những hình thức thưởng phạt nghiêm minh. Ngay cả La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp - người mà Nguyễn Huệ đã 3 lần viết thư và cử trọng thần đưa lễ vật hậu hĩnh đến núi Bùi Phong thuộc dãy Thiên Nhẫn (giáp giới 2 huyện Hương Sơn, Hà Tĩnh và Thanh Chương, Nghệ An)^(*) để mời ra làm quan giúp nước, khi chưa hoàn thành chu đáo trách nhiệm của mình trong vai trò Viện trưởng Viện Sùng chính thì cũng bị Vua Quang Trung thẳng thắn phê bình. Bấy giờ, vào ngày 11/4/1792, Vua Quang Trung có văn bản truyền cho La Sơn phu tử rằng: “Nguyên năm ngoái có chú thích các sách tiểu học xem ra thấy âm nghĩa rất sơ sài, thô lược chưa xứng đáng với thượng chỉ. Còn về việc viễn nghĩa Tứ Thư thì hẹn rằng mùa xuân năm nay tiến nộp, nay chưa gửi về là sai hẹn, làm chậm. Truyền cho phải mau chóng chú thích âm và nghĩa đóng thành tập gửi về để ngũ tiến, hãy nên gia ý việc giải thích âm tiết cho tinh mật, chớ làm thô lược lão thảo như kỳ trước” (H.B.Q, 2010, <http://baonghean.vn...>). Ất là phải thông thạo chữ Hán và chữ Nôm, phải là con người chính trực, ngay thẳng và rất đổi chân thành thì Quang Trung mới có thể đưa ra lời phẩm bình như vậy đối với Nguyễn Thiếp - một con

(*) Nơi lập trại canh tác của Nguyễn Thiếp.

người mà ông hết mực kính trọng và tin dùng. Nhờ có lời phê bình, góp ý ấy mà chỉ sau một tháng, sách Tứ Thư (một danh tác của Trung Hoa) đã được dịch xong và đóng thành 32 tập gửi về Phú Xuân. Ngay khi nhận được sách, Quang Trung xem xong liền ban chiếu khen thưởng. Thực chất, sự khen - chê kịp thời này cũng chính là biểu hiện của phép Khảo công vốn tồn tại từ lâu trong lịch sử phong kiến Việt Nam^(*) và nó thực sự là động lực thôi thúc đội ngũ quan lại lúc bấy giờ không ngừng phấn đấu, trau dồi phẩm hạnh, tài năng của mình để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao phó.

Không chỉ nghiêm khắc, công bằng trong giáo dục quan lại, Quang Trung còn gắng sức *phát huy tinh thần “dân chủ” trong quản lý bộ máy nhà nước*. Các vị vua kế tiếp của triều đại Tây Sơn đã cố gắng tiếp thu tư tưởng này của ông. Việc ban hành “Chiếu cầu lời nói thẳng”^(**) nhằm thu thập ý kiến của quan dân khắp nơi để điều chỉnh hoạt động của triều chính và của người đứng đầu nhà nước là một minh chứng sinh động cho tinh thần ấy: “Nay quốc gia đất rộng người nhiều, thực là nhờ công ơn của tiên hoàng đế (chỉ Vua Quang Trung) mở mang khi trước. Nhưng đất rộng mà lắm chỗ bỏ hoang, dân nhiều mà nhiều nơi ca thán, Trẫm run rẩy sợ

hãi như sắp sa vào vực thẳm. Từ xưa công sáng nghiệp đã khó mà sự thủ thành lại càng khó hơn. Trẫm cùng các đại thần thân cận toan tính lo lường nhưng chưa biết thế nào là phải” (Xem “Chiếu cầu lời nói thẳng”, trong: Nguyễn Lộc chủ biên, 1993, tr.84-85).

Từ chỗ chân thành bày tỏ mối lo đối với quan dân trước thực trạng nguy nan của đất nước như vậy, nhà vua thẳng thắn tự phê bình và chỉ ra căn nguyên của tình trạng ấy: “Tóm lại cái tệ trễ biếng là do cái lòng tự mãn tự túc sinh ra, tích tụ chất chứa đã lâu, không sao kể xiết” (Xem “Chiếu cầu lời nói thẳng”, trong: Nguyễn Lộc chủ biên, 1993, tr.84-85). Từ đây, nhà vua khắc khoải mong chờ từ thần dân một lời nói thẳng để “cho trẫm được đức hạnh tốt” và nhằm “cùng các đại thần tính toán tìm ra con đường đúng mà vẫn chưa thấy con đường nào là thích hợp” (Xem “Chiếu cầu lời nói thẳng”, trong: Nguyễn Lộc chủ biên, 1993, tr.84-85). Đồng thời, nhà vua còn chỉ ra phương cách gửi thư kín để phát huy tối đa tinh thần góp ý xây dựng của muôn dân: “Hỡi những kẻ bày tôi và dân chúng, các người hãy dán thư kín, nói hết đừng giấu giếm. Trong kinh thì nộp cho triều đình, ở ngoài thì nộp cho các quan trấn để chuyển đệ. Trẫm sẵn lòng nghe theo lời nói phải để thi hành ra chính sự, mong đổi được tệ tục, làm được việc hay” (Xem: “Chiếu cầu lời nói thẳng”, trong: Nguyễn Lộc chủ biên, 1993, tr.84-85).

Có thể nói, “Chiếu cầu lời nói thẳng” chính là sự hiện thực hóa tư tưởng lấy dân làm gốc của triều đại Tây Sơn và là cơ sở cho nhiều quyết sách, đường lối đối nội, đối ngoại đúng đắn, hợp lòng dân của vương triều phong kiến này.

Như vậy, với vương triều Tây Sơn, tuyển dụng, giáo dục quan lại không chỉ

(*) Theo *Đại Việt sử ký toàn thư* (1983), bản dịch, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tập I, tr.278: Ở nước ta, đời Vua Lý Thái Tông (1051) bắt đầu định phép khảo hạch các quan văn võ. Theo đó, quan lại các cấp phải chịu sự khảo xét hành trạng tốt-xấu, những việc làm được - không làm được...

(**) Ngô Thời Nhậm thay lời Nguyễn Quang Toản (có tài liệu nói theo di chúc của Vua Quang Trung) viết nên chiếu này. Chiếu này ra đời vào lúc thái sư Bùi Đắc Tuyên đã bị giết bởi tội lạm hành quyền lực, gây quá nhiều điều bất đạo, ảnh hưởng đến uy tín của triều đại Tây Sơn.

là tin yêu, khoan dung, giao phó cho họ những trọng trách phù hợp với năng lực, sở trường của mình mà còn ra sức rèn luyện cho họ ý thức trau dồi, phấn đấu cả về đức lẫn tài, khen thưởng và phê bình kịp thời những đóng góp lẫn hạn chế, thiếu sót của họ.

Như vậy, chính sách chiêu hiền đãi sĩ của Quang Trung không hề một chiều, cứng nhắc mà được vận dụng một cách đa diện, đầy linh hoạt trong từng thời điểm, với từng con người cụ thể. Quả thật, nếu không có Trí thì Quang Trung đã không thể hiểu người, không có Nhân thì ông không thể chọn người và không có Dũng thì ông đã không thể dùng người tài tình đến vậy. Chúng ta thấy, ở Quang Trung dường như tụ hội đầy đủ cả Trí - Nhân - Dũng, những phẩm chất cần phải có của những nhà lãnh đạo trong mọi thời đại.

Có thể nói, “chiến lược con người”, chiến lược và sách lược “dùng nhân” mà Vua Quang Trung nói riêng và vương triều Tây Sơn nói chung đã áp dụng nói trên (thông qua việc cải tổ giáo dục, xây dựng một hệ thống thiết chế, chính sách tuyển dụng, đào tạo rõ ràng, rành mạch đối với tầng lớp trí thức trong xã hội thời bấy giờ) không chỉ mang ý nghĩa chính trị của một thời mà nó vẹn nguyên giá trị trong mọi thời đại, thực sự đã gọi lên cho chúng ta nhiều bài học kinh nghiệm quý báu. Nhất là ngày nay, khi mà cả nhân loại đang bước vào thời đại kinh tế tri thức và mỗi quốc gia, dân tộc đều bị lôi cuốn vào cuộc cạnh

tranh quyết liệt về trình độ khoa học công nghệ thì xét đến cùng, thực chất của cuộc cạnh tranh ấy chính là cuộc cạnh tranh về nhân tài, về thu hút và sử dụng hiền tài. Do vậy, việc đưa chính sách phát hiện, tuyển dụng và bồi dưỡng nhân tài lên thành quốc sách hàng đầu ở nước ta hiện nay thiết nghĩ là một biện pháp đặc dụng trong công cuộc dựng xây đất nước thời hội nhập □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Nguyễn Lương Bích (1989), *Quang Trung Nguyễn Huệ*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
2. *Đại Việt sử lý toàn thư* (1983), bản dịch, Tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Hoàng Xuân Hãn (1993), *La Sơn phu tử*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
4. Trần Phương Hồ (1977), *Tây Sơn tam kiệt*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
5. Nguyễn Lộc (chủ biên) (1993), *Tổng tập văn học Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Đinh Văn Niêm (2011), *Thi cử, học vị, học hàm dưới các vương triều phong kiến Việt Nam*, Nxb. Lao động, Hà Nội.
7. Quách Tân, Quách Giao (2000), *Nhà Tây Sơn*, Nxb. Trẻ, Hà Nội.
8. H.B.Q (2010), *Khéo dụng người tài của Vua Quang Trung*, <http://baonghean.vn/xa-hoi/201001/kheo-dung-nguoi-tai-cua-vua-quang-trung-2496843/>